

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/11/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Loan

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hứa T, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Võ A, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/7/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hứa T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Võ A chung sống với nhau năm 2013 và đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu thì vợ chồng chị sống rất hạnh phúc, sau thời gian phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không được đầm ấm, không có tiếng nói chung mặc dù vợ chồng chị cố tình nêu kéo tình cảm với nhau nhưng không mang lại kết quả và hai người không sống chung với nhau được nữa, chị và anh A đã ly thân với nhau từ cuối năm 2021 đến nay, nay chị thấy vợ chồng sống không thể có hạnh phúc, tốt nhất là trả tự do cho nhau để mỗi người được tự do có cuộc

sống riêng cho mình nên chị nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Võ A. Đồng thời xin được vắng mặt khi xét xử.

Về con chung: Chị T và anh Võ A có hai con chung tên Võ D, sinh ngày 09/6/2013 và Võ N, sinh ngày 19/9/2017, hiện nay các cháu đang sống với chị và chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Theo Tờ tường trình lập ngày 06/8/2024 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của bị đơn anh Võ A lập ngày 05/11/2024, anh A trình bày:

Anh là người bị kiện trong vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với người khởi kiện Hứa T, địa chỉ Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam được Tòa án nhân dân Thị xã Ngã Năm thụ lý giải quyết. Anh yêu cầu được xem xét giải quyết vắng mặt anh. Lý do hiện nay anh đang đi làm xa nên mỗi khi Tòa án triệu tập anh đến tham gia giải quyết vụ ly hôn thì anh không thể về tham gia được. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung anh đồng ý với yêu cầu nuôi hai con chung của chị T vì hai con chung đang sống chung với chị T, anh không cấp dưỡng nuôi con, anh yêu cầu Tòa án căn cứ theo đơn ly hôn của vợ anh và giải quyết vắng mặt đối với anh, anh cam kết không khiếu nại về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hứa T và bị đơn anh Võ A vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa T và anh Võ A là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 08/5/2015 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh A và chị T, theo chị T cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng đã không còn, cũng đã cố gắng nếu kéo, hàn gắn với nhau nhưng không mang lại kết quả, anh A và chị T đã ly thân với nhau từ cuối năm 2021 đến nay nên chị T nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh A. Anh A cũng có ý kiến trình bày đề nghị Tòa án xem xét theo đơn kiện của chị T và thống nhất yêu cầu ly hôn với chị T. Xét thấy, nền tảng của mỗi quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh A và chị T đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, anh A và chị T đã ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay, hiện nay chị T yêu cầu ly hôn thì

anh A cũng đồng ý ly hôn, tình trạng mâu thuẫn giữa anh A và chị T là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh A.

[3] Về con chung: Chị Hứa T và anh Võ A có hai con chung là cháu Võ D, sinh ngày 09/6/2013 và cháu Võ N, sinh ngày 19/9/2017, theo anh A và chị T trình bày thống nhất các cháu hiện nay đang sống với chị T và chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, anh A cũng thống nhất yêu cầu của chị T, các cháu D và N hiện nay đều đủ 07 tuổi và đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Như vậy, giữa anh A và chị T cũng đã thống nhất với nhau về việc ai là người nuôi dưỡng con chung. Để không làm xáo trộn môi trường sống của cháu D và cháu N đồng thời không làm ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu, phù hợp với nguyện vọng của các cháu cho nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D và cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho anh A không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Hứa T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005323 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Anh Võ A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hứa T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa T được ly hôn với anh Võ A.

2/ Về con chung: Giao cháu Võ D, sinh ngày 09/6/2013 và cháu Võ N, sinh ngày 19/9/2017 cho chị Hứa T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Võ A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Chị Hứa T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005323 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Anh Võ A không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường B, thị xã N;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng